

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

***Cho năm tài chính đầu tiên
bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc
vào ngày 31/12/2020***



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2020 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Dương Thành Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
- Ông Lưu Minh Hưng	Thành viên
- Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên
- Ông Trần Lâm Nhã	Thành viên

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2020 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Ong Văn Bảo	Quyền Trưởng ban
- Bà Trần Thị Em	Kiểm soát viên
- Ông Lý Kim Nguyên	Kiểm soát viên

Ông Lý Kim Nguyên được bổ nhiệm giữ chức vụ Kiểm soát viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu nhiệm kỳ 5 năm từ 2020 đến 2025.

Năm 2020, Ông Lý Kim Nguyên đang là kế toán viên phụ trách công tác kế toán tại Công ty.

3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm trong năm 2020 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Trần Quốc Khải	Giám đốc (Nghỉ hưu kể từ ngày 01/12/2020)
- Ông Lưu Minh Hưng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/12/2020)
- Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Ông Lưu Minh Hưng Phó Giám đốc Công ty được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty theo Quyết định số 375/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2020 thay cho Ông Trần Quốc Khải đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ quy định.

1. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau theo Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 17/05/2018 của UBND Tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001128655 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng và chăm sóc cây xanh, công viên, vườn hoa;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Bán thùng rác công cộng và vật tư ngành môi trường;
- Thiết kế, giám sát các công trình công cộng, cây xanh, công viên, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 25.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.145.570.744 VND
- Lợi nhuận khác	66.831.813 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.212.402.557 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	589.736.358 VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.622.666.199 VND

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** Không có.

6. **Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

7. **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

8. **Phê duyệt báo cáo tài chính**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Cà Mau, ngày 24 tháng 02 năm 2021





Số: 14/2021/BCKT/SV – CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công Ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau (“Công ty”) được lập ngày 18 tháng 01 năm 2021 từ trang 6 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-028) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, đường số 11, khu dân cư Công ty cổ phần xây dựng Tp.Cần Thơ 4
P.Hung Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ.
Tel: (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email: svc-ct@vnn.vn

AS7
CHI
ÔNG
KIẾ
SA
TRA

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại điểm 5(h) và 13(k), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2015, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Cà Mau (Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Cà Mau được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Cà Mau) đã nhận bàn giao công nợ phải thu từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau chuyển sang số tiền 38.866.162.004 đồng theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2015 của UBND Tỉnh Cà Mau. Cho đến thời điểm 31/12/2020, Công ty đã thu hồi được 1.161.415.433 đồng. Như vậy số còn phải thu hồi là 37.704.746.571 đồng. Đây là khoản công nợ quá hạn khó thu hồi mà Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Cà Mau phải nhận bàn giao theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Cà Mau và Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Cà Mau tiếp tục kế thừa cho đến khi có chỉ đạo mới của UBND Tỉnh Cà Mau.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462 -2018-107-1
Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Trần Phương Yến
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.548.040.674	21.798.290.013
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	12.509.002.740	8.869.418.608
1. Tiền	111		12.509.002.740	8.869.418.608
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	8.516.456.995	12.294.695.407
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7.197.135.038	10.413.921.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		71.086.590	615.388.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.248.235.367	1.265.386.338
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.3	452.339.949	592.463.491
1. Hàng tồn kho	141		452.339.949	592.463.491
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	70.240.990	41.712.507
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.240.990	41.712.507
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.502.593.211	50.303.385.141
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210	V.5	38.660.054.923	38.675.054.923
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		38.660.054.923	38.675.054.923
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		8.703.433.487	11.627.135.084
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	8.703.433.487	11.627.135.084
- Nguyên giá	222		24.547.676.550	26.380.386.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.844.243.063)	(14.753.251.249)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		42.088.000	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	42.088.000	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		97.016.801	1.195.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	97.016.801	1.195.134
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		69.050.633.885	72.101.675.154

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.560.855.878	55.882.463.086
I. Nợ ngắn hạn	310		14.664.693.874	13.986.301.082
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	141.714.300	501.153.455
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	11.882.850	21.169.850
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	406.980.445	626.678.254
4. Phải trả người lao động	314		5.014.835.162	4.149.565.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.859.128.923	2.768.440.374
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	5.230.152.194	5.919.293.244
II. Nợ dài hạn	330		40.896.162.004	41.896.162.004
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	40.896.162.004	41.896.162.004
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.489.778.007	16.219.212.068
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	13.107.000.000	13.904.261.061
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.107.000.000	13.107.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	797.261.061
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		382.778.007	2.314.951.007
1. Nguồn kinh phí	431	V.15	382.778.007	2.314.951.007
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		69.050.633.885	72.101.675.154



Lý Kim Nguyên
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Lưu Minh Hưng
Giám Đốc

Cà Mau, ngày 18 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số : B 02 - DN


Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		38.828.353.442	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.181.818	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	38.810.171.624	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	25.744.983.087	-
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	13.065.188.537	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	17.870.561	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	1.361.395.341	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.576.093.013	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.145.570.744	-
11. Thu nhập khác	31	VI.5	76.581.813	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	9.750.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		66.831.813	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.10	4.212.402.557	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	589.736.358	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	3.622.666.199	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	829	-



Lý Kim Nguyên
Người lập



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Lưu Minh Hưng
Giám đốc

Cà Mau, ngày 18 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	44.496.191.133	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.281.484.460)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.211.930.256)	-
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(684.927.275)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.084.919.948	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.708.362.095)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.694.406.995	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(72.677.602)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.854.739	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.822.863)	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.639.584.132	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.869.418.608	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.509.002.740	-



Lý Kim Nguyên
Người lập



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Lưu Minh Hưng
Giám đốc

Cà Mau, ngày 18 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 13.107.000.000, tương ứng 1.310.700 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 và được sở hữu theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	1.204.300	12.043.000.000	91,88%
- Cổ đông là CBCNV	92.000	920.000.000	7,02%
- Các cổ đông khác	14.400	144.000.000	1,10%
Cộng	1.310.700	13.107.000.000	100,00%

Vốn góp của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 13.107.000.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng và chăm sóc cây xanh, công viên, vườn hoa;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Bán thùng rác công cộng và vật tư ngành môi trường;
- Thiết kế, giám sát các công trình công cộng, cây xanh, công viên, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng 2019 của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 01/01/2020. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cột số dư đầu năm không có số liệu do đây là năm tài chính đầu tiên Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức sở hữu vốn cổ phần.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2020 được bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ, căn cứ vào tuổi nợ và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại ngày 31/12/2020, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần trích lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 23 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08 – 12 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	10 năm

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Trong năm 2020, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

8. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản đi vay được thể hiện theo giá gốc.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm tài chính này, Công ty không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 01/NQ - ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 27/12/2019.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực kế toán về ghi nhận doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Năm 2020, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20% và được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ – CP ngày 25/09/2020 của Chính Phủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2020, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

17. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm tại ngày 01/01/2020 là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng 2019 của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 01/01/2020. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cột số dư đầu năm không có số liệu do đây là năm tài chính đầu tiên Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức sở hữu vốn cổ phần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>
Tiền mặt	213.818.666		189.943.592
Tiền gửi ngân hàng	12.295.184.074	(a)	8.679.475.016
Cộng	<u>12.509.002.740</u>		<u>8.869.418.608</u>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2020 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau (VND)	12.295.184.074
Cộng	<u>12.295.184.074</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.197.135.038	(b)	10.413.921.069
Trả trước cho người bán ngắn hạn	71.086.590	(c)	615.388.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.248.235.367	(d)	1.265.386.338
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-		-
Cộng	<u>8.516.456.995</u>		<u>12.294.695.407</u>

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31/12/2020 như sau:

Khách hàng	<u>Số tiền</u>	<u>Trong đó</u>
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Cà Mau	331.695.000	-
- Phòng Tài nguyên & Môi trường TP. Cà Mau	603.831.000	-
- Phải thu Phòng TCKH TP. Cà Mau	4.000.000.000	-
- Phải thu khách hàng sử dụng DVVS nội ô Thành phố Cà Mau	1.718.697.719	-
- Các khách hàng khác	542.911.319	-
Cộng	<u>7.197.135.038</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Công ty CP Chứng khoán FPT, CN.TPHCM	19.250.000	-
- Công ty TNHH MTV DVBV Vệ sĩ Bảo An	30.909.090	-
- Các nhà cung cấp khác	20.927.500	-
Cộng	71.086.590	-

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2020 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Dư Nợ 138 – Phải thu về cổ phần hóa	645.948.902	-
- Dư Nợ 141 – Tạm ứng	102.880.000	-
- Dư Nợ 244 – Ký quỹ	17.576	-
- Dư Nợ 338 – Các khoản phải thu người lao động	499.388.889	-
+ Các khoản phải thu người lao động	131.083.504	-
+ Phải thu phần chi hộ cho lao động dôi dư	368.305.385	-
Cộng	1.248.235.367	-

3. Hàng tồn kho

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	238.253.273 (e)	282.316.132
Công cụ, dụng cụ trong kho	90.713.934	119.145.117
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Hàng hóa tồn kho	123.372.742 (f)	191.002.242
Cộng giá gốc hàng tồn kho	452.339.949	592.463.491

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(e) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/12/2020 như sau:

	Số tiền
- Nguyên vật liệu	226.160.922
- Nhiên liệu	12.092.351
Cộng	238.253.273

(f) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2020 như sau:

	Số tiền
- Thùng rác các loại và các hàng hóa khác	123.372.742
Cộng	123.372.742

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí trả trước ngắn hạn	70.240.990 (g)	41.712.507
Cộng	70.240.990	41.712.507

(g) Số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là giá trị bảo hộ lao động chờ phân bổ vào chi phí.

5. Các khoản phải thu dài hạn

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
Phải thu dài hạn khác	38.660.054.923 (h)	38.675.054.923
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Cộng	38.660.054.923	38.675.054.923

(h) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khác tại ngày 31/12/2020 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
Công nợ nhận bàn giao từ Công ty cũ	37.704.746.571	37.704.746.571
- Hồ Đại Nghĩa (*)	28.576.951.663	28.576.951.663
- Võ Hoàng An (*)	3.130.847.246	3.130.847.246
- Mai Văn Năm (*)	890.161.946	890.161.946
- Lê Văn Thế (*)	1.125.074.055	1.125.074.055
- Huỳnh Minh Thế (*)	546.692.130	546.692.130
- Châu Quốc Khải (*)	2.288.278.307	2.288.278.307
- Trần Thanh Vũ (*)	220.756.451	220.756.451
- Lâm Văn Hùng (*)	925.984.773	925.984.773
Lương trả hộ cho Ban thu hồi nợ (**)	645.496.950	-
Phải thu khác của Ban thu hồi nợ (**)	131.945.692	-
BHXX, BHYT, BHTN của Ban thu hồi nợ (**)	177.865.710	-
Cộng	38.660.054.923	37.704.746.571

(*) Các khoản nợ quá hạn thanh toán này đã được Công ty gửi hồ sơ khởi kiện.

(**) Tổng chi phí cho Ban thu hồi nợ để thực hiện công tác thu hồi nợ từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau chuyển sang không được đưa vào chi phí kinh doanh của Công ty mà tạm ứng từ tiền thu hồi công nợ theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Cà Mau.

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
Nguyên giá	26.380.386.333	- 1.832.709.783		24.547.676.550
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6.350.452.991	- 1.177.947.878		5.172.505.113
- PT vận tải, TB truyền dẫn	19.613.350.342	- 654.761.905		18.958.588.437
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	416.583.000	-		416.583.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Loại tài sản	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
Hao mòn lũy kế	14.753.251.249	2.126.440.536	1.035.448.722	15.844.243.063
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3.042.213.404	268.555.979	380.686.817	2.930.082.566
- PT vận tải, TB truyền dẫn	11.328.527.511	1.823.811.891	654.761.905	12.497.577.497
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	382.510.334	34.072.666	-	416.583.000
Giá trị còn lại	11.627.135.084			8.703.433.487
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3.308.239.587			2.242.422.547
- PT vận tải, TB truyền dẫn	8.284.822.831			6.461.010.940
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	34.072.666			-

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2020 như sau:

	Số tiền
Tài sản cố định giảm do bàn giao không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa cho Phòng Tài chính Kế hoạch TP. Cà Mau	797.261.061
- Hàng rào bãi rác bến xe Kiên Giang	127.888.800
- Khu nhà ở cho đối tượng cơ nhỏ	142.269.734
- Nhà vệ sinh công cộng phục vụ dân sinh	86.659.000
- Đường vào bãi rác	187.158.528
- Cây xanh cách ly khu bãi rác	253.284.999
Tài sản cố định giảm do thanh lý	1.035.448.722
- Thanh lý ô tô chở rác Steyr BS 69L - 5961	250.000.000
- Thanh lý ô tô chở rác Ifa BS 69C - 014.53	404.761.905
- Thanh lý các TSCĐ khác	380.686.817
Cộng	1.832.709.783

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2020 như sau:

	Số tiền
Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh năm 2020	2.126.440.536
- Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh năm 2020	2.126.440.536
Cộng	2.126.440.536

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2020 như sau:

	Số tiền
Khấu hao TSCĐ giảm do thanh lý	1.035.448.722
Cộng	1.035.448.722

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.976.942.332
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản dở dang dài hạn

Chi tiết số dư Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2020 như sau:

Công trình	31/12/2020	01/01/2020
- Chi phí lắp đặt phương tiện thủy	42.088.000	-
Cộng	42.088.000	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	-	1.195.134
- Chi phí sửa chữa tài sản	97.016.801	-
Cộng	97.016.801	1.195.134

9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
- Phải trả người bán ngắn hạn	141.714.300 (i)	501.153.455
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.882.850	21.169.850
Cộng	153.597.150	522.323.305

(i) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền
- Công ty TNHH Sản Xuất TMDV và Xây dựng Đức Phát	73.001.500
- Các nhà cung cấp khác	68.712.800
Cộng	141.714.300

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp	626.678.254	3.101.085.265	3.320.783.074	406.980.445
- Thuế giá trị gia tăng	521.574.570	2.438.093.069	2.562.599.961	397.067.678
- Thuế TNDN	105.103.684	589.736.358	684.927.275	9.912.767
- Thuế TNCN	-	70.255.838	70.255.838	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	626.678.254	3.101.085.265	3.320.783.074	406.980.445

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
- Phải trả ngắn hạn khác	3.859.128.923 (j)	2.768.440.374
Cộng	3.859.128.923	2.768.440.374

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(j) Chi tiết số dư khoản phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2020 như sau:

Ngân hàng	Số tiền
- Cổ tức năm 2020 phải trả	1.086.799.859
- Tiền mua cổ phiếu ưu đãi của CBCNV	552.000.000
- Tiền thu từ bán cổ phần ra công chúng	226.080.000
- Vốn phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	1.406.053.024
- Quỹ đầu tư phát triển phải nộp về quỹ hỗ trợ quốc gia	580.079.510
- Phải trả khác	8.116.530
Cộng	3.859.128.923

12. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
- Quỹ khen thưởng CBCNV	3.184.130.654	3.807.421.864
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	253.586.634	250.965.000
- Quỹ phúc lợi	1.792.434.906	1.860.906.380
Cộng	5.230.152.194	5.919.293.244

13. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
- Phải trả dài hạn khác	40.896.162.004 (k)	41.896.162.004
Cộng	40.896.162.004	41.896.162.004

(k) Chi tiết số dư khoản phải trả dài hạn khác tại ngày 31/12/2020 như sau:

Ngân hàng	Số tiền
- Nhận bàn giao từ công ty cũ chuyển sang (*)	38.866.162.004
- Tạm ứng kinh phí mua 2 xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	2.000.000.000
- Các đối tượng khác (Dư Có TK 138)	30.000.000
Cộng	40.896.162.004

(*) Đây là khoản hạch toán đối ứng với công nợ phải thu nhận bàn giao từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau chuyển sang theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2015 của UBND Tỉnh Cà Mau.

14. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

Khoản mục	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.158.747.149	2.560.584.300	10.612.331.449	13.107.000.000
- Chênh lệch đánh giá lại TS	-	580.079.510	580.079.510	-
- Quỹ đầu tư phát triển	-	797.261.061	-	797.261.061
- Lợi nhuận ST chưa PP	-	5.779.462.532	5.779.462.532	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.458.677.559	-	1.458.677.559	-
Cộng	22.617.424.708	9.717.387.403	18.430.551.050	13.904.261.061

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

Khoản mục	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.107.000.000	-	-	13.107.000.000
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	797.261.061	-	797.261.061	-
- Lợi nhuận ST chưa PP	-	3.622.666.199	3.622.666.199	-
Cộng	13.904.261.061	3.622.666.199	4.419.927.260	13.107.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

Chi tiết Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu giảm trong năm 2020 như sau:

	Số tiền
- Bàn giao các TSCĐ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa cho Phòng Tài chính Kế hoạch TP. Cà Mau	797.261.061
Cộng	797.261.061

(c) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	13.107.000.000	-
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	13.107.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.086.799.859	-

(d) *Cổ tức*

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: 1.086.799.859
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố*
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có*
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(e) *Cổ phiếu*

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.310.700	-
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.310.700	-
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.310.700	-
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.310.700	-
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.310.700	-
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Nguồn kinh phí

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
- Nguồn kinh phí đầu năm	2.314.951.007	75.832.007
- Nguồn kinh phí nhận bàn giao trong năm	-	2.394.000.000
- Chi sự nghiệp	1.932.173.000	154.881.000
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	382.778.007	2.314.951.007

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu DV công	21.327.619.635	14.246.889.660	7.080.729.975	33,20%
- Doanh thu DV tư	11.352.118.174	7.163.150.791	4.188.967.383	36,90%
- Doanh thu rút hầm cầu	437.221.818	298.926.651	138.295.167	31,63%
- Doanh thu khác	5.693.211.997	4.036.015.985	1.657.196.012	29,11%
Doanh thu thuần	38.810.171.624	25.744.983.087	13.065.188.537	33,66%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	17.870.561	-
Cộng	17.870.561	-

3. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.171.876.216	-
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	81.000.000	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	34.072.666	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.446.459	-
Cộng	1.361.395.341	-

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	5.738.992.728	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	225.134.055	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	215.289.320	-
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	775.615.467	-
- Chi phí khác	618.061.443	-
Cộng	7.576.093.013	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý TSCĐ	69.218.182	-
- Thu nhập khác	7.363.631	-
Cộng	76.581.813	-

6. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xử lý cây xanh chết	9.750.000	-
Cộng	9.750.000	-

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên vật liệu	3.422.525.978	-
- Chi phí nhân công	18.201.050.678	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.877.078.550	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.592.814	-
- Chi phí bằng tiền khác	1.723.569.206	-
- Chi phí bán hàng	1.361.395.341	-
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.576.093.013	-
Cộng	34.217.305.580	-

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	589.736.358	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	589.736.358	-

9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDNHL	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020	4.212.402.557
Cộng các khoản chi không được trừ	-
Lợi nhuận tính thuế năm 2020	4.212.402.557
Chi phí thuế TNDN hiện hành trước giảm trừ 30%	842.480.511
Chi phí thuế TNDN hiện hành được giảm trừ 30%	252.744.153
Chi phí thuế TNDN hiện hành sau giảm trừ 30%	589.736.358
Lợi nhuận sau thuế	3.622.666.199
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành (7%)	253.586.634
- Trích quỹ khen thưởng CBCNV (35%)	1.267.933.170
- Trích quỹ khen thưởng khách hàng (10%)	362.266.620
- Trích quỹ phúc lợi (18%)	652.079.915
- Chia cổ tức (30%)	1.086.799.860
Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2020	-

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế	3.622.666.199	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.535.866.339	-
Lợi nhuận sau thuế tính lãi CBTCP	1.086.799.860	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	1.310.700	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	829	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. **Thông tin về các bên liên quan:** không có

4. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng 2019 của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 01/01/2020. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cột số dư đầu năm không có số liệu do đây là năm tài chính đầu tiên Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức sở hữu vốn cổ phần.

5. **Thông tin về hoạt động liên tục**

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn.

6. **Thay đổi chính sách kế toán:** Không có

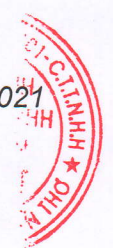
7. **Những thông tin khác:** không có

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cà Mau, ngày 18 tháng 01 năm 2021

GIÁM ĐỐC



LÝ KIM NGUYÊN

NGUYỄN QUỐC TUẤN

LƯU MINH HƯNG